

Số: 250/CBTT-FLC

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**
- Mã chứng khoán: **FLC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 024 – 3771 1111
- Fax: 024 – 3724 5888
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Tiến Dũng
Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (“**Công ty/Tập đoàn FLC**”) công bố thông tin về việc ngày 05/08/2024 Công ty nhận được các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế sau:

1. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 1835/QĐ-CTGLA-KG của Cục thuế tỉnh G'ia Lai đề ngày 30/07/2024;
2. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 823/QĐ-XPVPHC của Cục thuế tỉnh Bình Định đề ngày 01/08/2024.

Nội dung chi tiết theo file đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC vào ngày 06./8/2024 tại đường dẫn: www.flc.vn, chuyên mục Cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Số: 1836/QĐ-CTGLA-KG

Gia Lai, ngày 30 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính về thuế

CÔNG VĂN BẢN
Số: 575
Ngày: 05 tháng 8 năm 2024

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 06 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-TCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng Cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-CTGLA ngày 02/01/2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai về việc giao quyền ký văn bản;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính về thuế số 71/BB-VPHC lập ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Tờ trình ngày 26/7/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính của Phòng Kế khai và Kế toán thuế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra - Kiểm tra số 2.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn FLC.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ thư điện tử: info@flc.vn.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102683813.

Ngày cấp: 09/12/2009; Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Mã số thuế: 0102683813.

Người đại diện theo pháp luật: Lê Tiến Dũng; Chức danh: Tổng giám đốc.

2. Đã có hành vi vi phạm hành chính: Chậm nộp hồ sơ khai thuế (Loại hồ sơ khai thuế: Thuế giá trị gia tăng khai theo tháng, 01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA). Cụ thể:

- Kỳ khai thuế: Từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 5 năm 2024.

- Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế khai theo tháng chậm nhất là ngày ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế đối với trường hợp khai và nộp theo tháng theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 44 của

Chuyển BIC

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019; trường hợp thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế được tính là ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó theo quy định tại Điều 86 Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Thời điểm (ngày) nộp hồ sơ khai thuế thực tế theo Thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế của Cơ quan thuế đối với hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, 01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 5 năm 2024 là ngày 17/7/2024.

- Số tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 5 năm 2024: 0 đồng (Không đồng).

(Thời hạn nộp và số ngày chậm nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng chi tiết theo danh sách kèm theo Quyết định).

3. Hành vi vi phạm hành chính quy định tại: Điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

Đơn vị vi phạm chậm nộp nhiều hồ sơ khai thuế (hành vi chậm nộp hồ sơ kê khai thuế giá trị gia tăng, 01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 5 năm 2024), theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì trường hợp cùng một thời điểm người nộp thuế chậm nộp nhiều hồ sơ khai thuế của nhiều kỳ tính thuế nhưng cùng một sắc thuế thì chỉ bị xử phạt về một hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện theo quy định tại Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần.

4. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

a) Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

b) Các tình tiết tăng nặng: Vi phạm hành chính nhiều lần.

5. Các tình tiết liên quan đến giải quyết vi phạm:

- Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên nhưng không phát sinh số thuế phải nộp (hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, 01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA, kỳ: Tháng 01/2022, tháng 02/2022, tháng 3/2022, tháng 4/2022, tháng 5/2022, tháng 6/2022, tháng 7/2022, tháng 8/2022, tháng 9/2022, tháng 10/2022, tháng 11/2022, tháng 12/2022, tháng 01/2023, tháng 02/2023, tháng 3/2023, tháng 4/2023, tháng 5/2023, tháng 6/2023, tháng 7/2023, tháng 8/2023, tháng 9/2023, tháng 10/2023, tháng 11/2023, tháng 12/2023, tháng 01/2024, tháng 02/2024) theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 13 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

- Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 61 ngày đến 90 ngày (hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, 01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA, kỳ tháng 3/2024) theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 13 Nghị định 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

- Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 31 ngày đến 60 ngày (hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, 01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA, kỳ tháng 4/2024) theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

- Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 01 ngày đến 30 ngày (hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, 01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA, kỳ tháng 5/2024) theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Mức phạt (Tiêu mục 4254): 12.650.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

b) Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có): Không.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có): Không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Ông: Lê Tiến Dũng là đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định này, tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp vào tài khoản thu NSNN số 7111 của Cục Thuế tỉnh Gia Lai được mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Gia Lai.

- Nếu quá thời hạn nêu trên mà tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 không chấp hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính theo quy định của pháp luật.

Tổ chức có tên tại Điều 1 có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước tỉnh Gia Lai để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Phòng Kế khai và Kế toán thuế, Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế để tổ chức thực hiện quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu VT; TTKT2 (06b).



Trần Quang Thành



**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH GIA LAI**

**DANH SÁCH CHI TIẾT THỜI HẠN NỘP VÀ SỐ NGÀY CHẬM NỘP
HỒ SƠ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

(Kèm theo Quyết định số 1835/QĐ-CTGLA-KG ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai)

STT	Mã giao dịch điện tử	Số thông báo chấp nhận hồ sơ	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế	Thời gian tiếp nhận hồ sơ	Thời gian chậm nộp (ngày)
1	11320240266058142	14137/6401/20 24/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 1/2022	21/02/2022	17/07/2024 14:59:40	877
2	11320240266057489	14135/6401/20 24/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 2/2022	21/03/2022	17/07/2024 15:00:19	849
3	11320240266058663	14136/6401/20 24/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 3/2022	20/04/2022	17/07/2024 15:00:51	819
4	11320240266058785	14111/6401/20 24/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 4/2022	20/05/2022	17/07/2024 15:01:13	789
5	11320240266058894	14127/6401/20 24/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 5/2022	20/06/2022	17/07/2024 15:01:39	758
6	11320240266058986	14109/6401/20 24/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 6/2022	20/07/2022	17/07/2024 15:02:01	728
7	11320240266059974	14110/6401/20 24/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 7/2022	22/08/2022	17/07/2024 15:02:22	695

4

STT	Mã giao dịch điện tử	Số thông báo chấp nhận hồ sơ	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế	Thời gian tiếp nhận hồ sơ	Thời gian chậm nộp (ngày)
8	11320240266059202	14141/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 8/2022	20/09/2022	17/07/2024 15:02:42	666
9	11320240266060215	14128/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 9/2022	20/10/2022	17/07/2024 15:03:03	636
10	11320240266060372	14146/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 10/2022	21/11/2022	17/07/2024 15:03:28	604
11	11320240266059537	14112/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 11/2022	20/12/2022	17/07/2024 15:03:51	575
12	11320240266060668	14138/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 12/2022	27/01/2023	17/07/2024 15:04:11	537
13	11320240266060789	13976/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 1/2023	20/02/2023	17/07/2024 15:04:33	513
14	11320240266060905	14113/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 2/2023	20/03/2023	17/07/2024 15:04:59	485
15	11320240266061979	14144/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 3/2023	20/04/2023	17/07/2024 15:05:26	454
16	11320240266062095	14126/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 4/2023	22/05/2023	17/07/2024 15:05:51	422
17	11320240266062206	14104/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 5/2023	20/06/2023	17/07/2024 15:06:08	393

STT	Mã giao dịch điện tử	Số thông báo chấp nhận hồ sơ	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế	Thời gian tiếp nhận hồ sơ	Thời gian chậm nộp (ngày)
18	11320240266061379	14120/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 6/2023	20/07/2023	17/07/2024 15:06:29	363
19	11320240266062471	13980/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 7/2023	21/08/2023	17/07/2024 15:06:53	331
20	11320240266062599	14130/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 8/2023	20/09/2023	17/07/2024 15:07:12	301
21	11320240266063751	14101/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 9/2023	20/10/2023	17/07/2024 15:07:36	271
22	11320240266062847	14142/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 10/2023	20/11/2023	17/07/2024 15:07:56	240
23	11320240266063968	14143/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 11/2023	20/12/2023	17/07/2024 15:08:16	210
24	11320240266064092	14119/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 12/2023	22/01/2024	17/07/2024 15:08:37	177
25	11320240266063371	14131/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 1/2024	20/02/2024	17/07/2024 15:09:31	148
26	11320240266063480	13979/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 2/2024	20/03/2024	17/07/2024 15:09:50	119
27	11320240266065583	13978/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 3/2024	22/04/2024	17/07/2024 15:10:09	86

STT	Mã giao dịch điện tử	Số thông báo chấp nhận hồ sơ	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế	Thời gian tiếp nhận hồ sơ	Thời gian chậm nộp (ngày)
28	11320240266065700	14125/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT khấu trừ - DA	Tháng 4/2024	20/05/2024	17/07/2024 15:10:30	58
29	11320240266064813	14134/6401/2024/TB-TĐT	01/GTGT Tờ khai thuế GTGT <input type="checkbox"/> hấu trừ -	Tháng 5/2024	20/06/2024	17/07/2024 15:10:52	27



QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08 tháng 10 năm 2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số: 95/BB-VPHC ngày 25/7/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC;

Xét đề nghị của: Trưởng phòng Kế khai và Kế toán thuế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Tên tổ chức vi phạm: Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 0102683813

Số GCN đăng ký doanh nghiệp: 0102683813; Ngày cấp: 09/12/2009; nơi cấp: Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tiến Dũng; Giới tính: Nam.

Chức danh: Tổng Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 01/2022 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 21/02/2022, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 02/2022 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 21/03/2022, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 03/2022 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/04/2022, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

Chuyên BKT

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 04/2022 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/05/2022, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 05/2022 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/06/2022, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 06/2022 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/07/2022, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 07/2022 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 22/08/2022, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 08/2022 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/09/2022, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 09/2022 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/10/2022, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 10/2022 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 21/11/2022, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 11/2022 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/12/2022, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 12/2022 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 27/01/2023, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 01/2023 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/02/2023, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 02/2023 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/03/2023, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 03/2023 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/04/2023, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 04/2023 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 22/05/2023, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 05/2023 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/06/2023, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 06/2023 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/07/2023, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 07/2023 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 21/08/2023, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 08/2023 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/09/2023, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 09/2023 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/10/2023, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 10/2023 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/11/2023, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 11/2023 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/12/2023, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 12/2023 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 22/01/2024, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 01/2024 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/02/2024, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 02/2024 so với quy định trên 90 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/03/2024, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 03/2024 so với quy định 80 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 22/04/2024, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 04/2024 so với quy định 52 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/05/2024, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

- Chậm nộp hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA) kỳ kê khai tháng 05/2024 so với quy định 21 ngày (thời hạn nộp tờ khai: ngày 20/06/2024, ngày nộp tờ khai: 11/7/2024).

Tất cả các tờ khai trên không phát sinh số thuế phải nộp.

3. Hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 4, Điều 13 Nghị định 125/2020/NĐ-CP, khoản 3 và khoản 2 Điều 13 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

4. Các tình tiết tăng nặng: Vi phạm hành chính nhiều lần.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Cụ thể: Mức phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 13 và khoản 4 Điều 7 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ;

Tổng số tiền phạt: 12.650.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng.). Bao gồm:

Phạt hành vi chậm nộp Tờ khai thuế Giá trị gia tăng khấu trừ (mẫu 01/GTGT-DA), kỳ kê khai tháng 01/2022, số tiền là: 11.500.000 đồng.

Phạt 10% đối với tình tiết tăng nặng, số tiền là: 1.150.000 đồng.

b) Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có): Không.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Không

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Ông Lê Tiến Dũng là đại diện cho Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định này, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp vào tài khoản số: 7111, chương 555, tiểu mục 4254 tại Kho bạc Nhà nước Bình Định.

Nếu quá thời hạn nêu trên mà Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC không chấp hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính theo quy định của pháp luật.

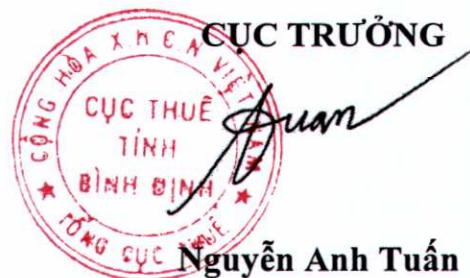
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước Bình Định để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Trưởng phòng Kế khai & Kế toán thuế để tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KK.



Nguyễn Anh Tuấn